

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2017.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Luật - Cán bộ hưu trí.

Bà Bùi Thị Quy - Giáo viên Trường tiểu học Nam Trung, Nam Sách

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Luyện – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị La- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2017 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST-DS ngày 26/6/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1987;

ĐKHKT: Thôn PL, xã HP, huyện NS, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Thôn TC, xã AC, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn PL, xã HP, huyện NS, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1, Bà Phạm Thị D, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn TC, xã AC, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2, Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn PL, xã HP, huyện NS, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 12 năm 2007 tại UBND xã HP, huyện NS, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị và anh Đ chung sống ở thôn PL, xã HP, huyện NS, tỉnh Hải Dương. Quá trình vợ chồng chung sống chỉ hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không phù hợp về tính cách, lối sống, thường xuyên bất đồng quan điểm. Anh Đ không có nghề nghiệp ổn định, không chịu khó làm ăn, thường xuyên chơi bời, chị đã nhiều lần động viên anh Đ, nhưng anh Đ không nghe mà có lời lẽ xúc phạm chị, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Khoảng năm 2010 anh Đ sang nước Nga làm nhưng vẫn không chịu khó làm ăn, không gửi tiền về cho gia đình. Năm 2011 chị sang Nga làm ăn cùng anh Đ. Thời gian ở Nga chị và anh Đ vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Đ đánh chị, vì vậy năm 2012 chị thuê nhà ra ở riêng, kể từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm tới nhau. Một thời gian ngắn sau đó anh Đ về nước, còn chị vẫn lao động tại Nga, thỉnh thoảng chị vẫn về Việt Nam thăm gia đình nhưng không về chung sống cùng anh Đ, chị và anh Đ không còn gặp gỡ. Tháng 6/2016 chị về để giải quyết việc ly hôn với anh Đ, chị đã nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Nam Sách. Quá trình Tòa án giải quyết chị đã rút đơn về để suy nghĩ lại, tuy nhiên chị và anh Đ vẫn không gặp gỡ, liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được mâu thuẫn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Phan Văn Đ có một con chung là Phan Thanh H, sinh ngày 02/10/2008, hiện nay con chung đang ở cùng chị, chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Phan Thanh H trình bày: Cháu là con của mẹ H, bố Đ, hiện nay cháu đang ở cùng mẹ ở nhà ông bà ngoại. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ là Nguyễn Thị Thu H.

Người làm chứng :

Bà Phạm Thị D trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị H. Anh Đ và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị H về chung sống với anh Đ tại quê chồng. Vợ chồng chung sống được 1 vài tháng đã xảy ra mâu thuẫn, đến khi sinh con thì thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không phù hợp về tính cách lối sống, anh Đ không tu chí làm ăn, chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình. Đến năm 2010 anh Đ sang nước Nga lao động, năm 2011 chị H cũng sang Nga theo anh Đ. Khi chị H ở Nga đã nhiều lần điện thoại về cho bà nói rằng chị và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Đ hay đánh chị H, nên đến năm 2012 chị H phải thuê nhà ra ở riêng. Một thời gian sau anh Đ về nước, còn chị H vẫn ở lại Nga. Kể từ đó chị H và anh Đ sống ly thân. Đến tháng 6/2016 chị H nộp đơn xin ly hôn với anh Đ nhưng sau đó lại rút đơn về để vợ chồng tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng kể từ đó đến nay chị H và anh Đ chưa một lần gặp gỡ để nói chuyện. Đến nay chị H lại nộp đơn xin ly hôn anh Đ bà đề nghị Tòa án giải quyết để chị H và anh Đ ổn định cuộc sống. Về con chung chị H và anh Đ có một con chung là Phan Thanh H, hiện cả hai mẹ con chị H đang ở với vợ chồng bà. Vợ chồng bà thường xuyên giúp đỡ chị H trong việc trông nom, chăm sóc con chung của chị H và anh Đ.

Bà Đỗ Thị S trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Phan Văn Đ, hiện nay anh Đ vẫn cư trú tại HP, NS, Hải Dương và ở cùng với vợ chồng bà. Anh Đ nhiều lần nhận được thông báo thụ lý, giấy triệu tập, các thông báo của Tòa án liên quan đến việc chị H xin ly hôn và giải quyết về con chung nhưng do anh Đ bận công việc và không đồng ý ly hôn chị H nên anh Đ không đến Tòa án làm việc. Cán bộ Tòa án đã đến gia đình bà để gặp anh Đ nhưng anh Đ không có nhà. Chị H và anh Đ sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống ở HP, NS, Hải Dương vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2011 anh Đ sang Nga làm ăn, năm 2012 chị H sang Nga cùng anh Đ. Thời gian ở Nga chị H, anh Đ xảy ra mâu thuẫn, theo anh Đ nói là do chị H có quan hệ với người khác, khoảng năm 2013 anh Đ bị ốm phải về nước để điều trị, còn chị H vẫn ở lại Nga. Kể từ đó chị H không quan tâm, không liên lạc với anh Đ. Khi chị H về nước chị H cũng không về chung sống với anh Đ mà về nhà bố mẹ đẻ. Chị H và anh Đ có một con chung là Phan Thanh H, hiện nay cháu Phan Thanh H đang ở cùng chị H ở nhà ông bà ngoại. Anh Đ hiện làm lao động tự do về mức thu nhập của anh Đ bà không biết.

Theo xác minh tại Công an xã HP: Anh Phan Văn Đ hiện đăng ký HKTT và cư trú tại thôn PL, xã HP, huyện NS, tỉnh Hải Dương. Về mâu thuẫn của chị H và anh Đ địa phương không rõ chỉ nghe dư luận trong thôn phản ánh kể từ khi chị H và

anh Đ sang Nga làm ăn thì vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, đến nay chị H vẫn chưa về chung sống với anh Đ. Công an xã đã nhiều lần nhận được các văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án nhờ tổng đạt giúp cho anh Phan Văn Đ liên quan đến việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với chị H. Công an xã đã chuyển các văn bản đó cho anh Đ nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc, lý do vì sao thì không rõ. Hiện anh Đ làm lao động tự do và làm ruộng tại địa phương thu nhập như thế nào địa phương không rõ.

Theo xác minh tại trường tiểu học TC, AC cung cấp: Cháu Phan Thanh H hiện đang là học sinh của lớp 3B của Trường tiểu học TC, cháu H theo học tại trường từ năm học lớp 1 đến nay, theo đánh giá của các cô giáo chủ nhiệm, cháu H là học sinh có kết quả học tập các năm học hoàn thành và hạnh kiểm tốt, hòa đồng với bạn bè, lễ phép với thầy cô giáo, phát triển tốt về thể chất, tâm sinh lý. Gia đình cháu H cụ thể là ông bà ngoại và mẹ đẻ cháu rất quan tâm tới việc học tập của cháu, thường xuyên liên lạc với nhà trường, đưa đón đúng giờ, thực hiện mọi khoản đóng góp theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Đ đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ. Về con chung chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị; Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Xử cho chị H ly hôn anh Đ, về con chung: Giao cho chị H tiếp tục nuôi con chung là Phan Thanh H, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Phan Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Phan Văn Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thu H, anh Phan Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HP, huyện NS, tỉnh HD là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không phù hợp về tính cách, lối sống, thường xuyên bất đồng quan điểm, anh Đ không chịu khó làm ăn, thường xuyên chơi bời. Mâu thuẫn nghiêm trọng khi chị và anh Đ sinh sống và làm việc tại nước Nga, anh Đ hay đánh chị, do đó từ năm 2012 chị và anh Đ đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Xét lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Phạm Thị D, bà Đỗ Thị S. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ đến Tòa để trình bày quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của chị H, để tham gia phiên hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt, không thể hiện quan điểm chứng tỏ anh Đ không mong muốn hòa giải để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định mâu thuẫn của chị và anh Đ đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn của chị H, anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị H ly hôn anh Đ.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phan Văn Đ có 01 con chung là Phan Thanh H, sinh ngày 02/10/2008. Chị H có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. HĐXX xét thấy, hiện nay con chung Phan Thanh H đang ở cùng chị H. Tại biên bản ghi lời khai (BL 31) cháu Phan Thanh H trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Xét về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thấy: Chị H chứng minh được về điều kiện thu nhập, chỗ ở đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung, anh Đ hiện không có công việc ổn định, không chứng minh được thu nhập, không thể hiện quan điểm về con chung. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H giao con chung là Phan Thanh H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung*: Chị H, anh Đ không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thu H xin ly hôn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn anh Phan Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Phan Thanh H, sinh ngày 02/10/2008 cho chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Phan Văn Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AB/2014/0000019 ngày 04 tháng 5 năm 2017.

Nguyên đơn quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy